| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thanh Tân và Ông Nguyễn Văn Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 605/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 651/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm 1965. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0944.786270

Địa chỉ liên hệ: Số D, đường N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà rịa - Vũng Tàu.

***Bị đơn:*** Ông Trần Văn D, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0706.390549

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hồ Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D tự nguyện tìm hiểu sau đó đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L,

tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 207TPMT ngày 10/9/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà H và ông D bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà H đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể đoàn tụ. Bà nhận thấy vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên là Trần Diễm M, sinh năm 2003. Hiện nay cháu M đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Văn D vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến trong quá trình tố tụng:*

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Hồ Thị Thu H và ông Trần Văn D là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn bà H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông D đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà H, ông D

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

[2.1] Hôn nhân giữa bà H và ông D xuất phát từ sự tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D, căn cứ để bà yêu cầu do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ khoảng năm 2013 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng muốn đoàn tụ. Xét thấy, qua trình bày của bà H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng:

Có 01 con chung tên là Trần Diễm M, sinh năm 2003.

Xét thấy, cháu M đã đủ tuổi trưởng thành, có thể tự lo cho cuộc sống bản thân bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Bà H có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu H. Bà Hồ Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Văn D.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung tên là Trần Diễm M, sinh năm 2003. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà H có trách nhiệm nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002431 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bà H, ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án*)

***Nơi nhận:***
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Quốc Việt**